

Không phải sự thuyết phục bằng lí luận có thể lôi kéo nông dân theo con đường sản xuất tập thể mà là sự giúp đỡ cụ thể về vật chất. Nếu nông dân thiếu nông cụ và máy móc thì Nhà nước vô sản phải giúp đỡ họ nông cụ và máy móc để họ sản xuất tập thể. Nếu ngày mai chúng ta có 10 vạn máy kéo hảo hạng, cung cấp đủ nhiên liệu và thợ lái máy kéo, chắc chắn trung nông sẽ tuyên bố: tôi theo chủ nghĩa cộng sản!

V.I. LÊNIN

TRẠM MÁY NÔNG NGHIỆP VÀ SỬA CHỮA VỚI CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP

NGUYỄN BÌNH

Trong giai đoạn cách mạng mới, nông nghiệp nước ta đang đứng trước những nhiệm vụ cấp bách: bảo đảm nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, tạo ra nhiều nguồn hàng xuất khẩu, v.v... Nói cách khác, nông nghiệp phải tiến lên làm tròn *nhiệm vụ cơ sở* cho phát triển công nghiệp, cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, với năng suất bình quân khoảng 20 tạ/ha/năm, với tổng sản lượng lương thực trên dưới 13 triệu tấn/50 triệu dân, với giá trị sản phẩm của một lao động nông nghiệp làm ra trong một năm mới đạt 280 đồng, bình quân lương thực theo đầu người ở mức trên dưới 250 kg, một lao động nông nghiệp mới nuôi được 3 người, rõ ràng nhiệm vụ cách mạng của cả nước ta đòi hỏi sản xuất nông nghiệp phải có những chuyển biến cách mạng, to lớn và sâu sắc.

Sự chuyển biến cách mạng trong nông nghiệp phải thể hiện trên nhiều mặt: cải tạo quan hệ sản xuất đi đôi với cải tiến kĩ thuật và tăng cường cơ sở vật chất—kĩ thuật; phát triển nông nghiệp toàn diện đi đôi với phân vùng sản xuất chuyên canh; thâm canh tăng năng suất đi đôi với mở rộng diện tích bằng tăng vụ và khai hoang,

đặc biệt, phải khẩn trương xúc tiến cơ giới hóa nông nghiệp để tạo ra một sự chuyển biến căn bản trong lĩnh vực này.

Trong Báo cáo của Hội đồng Chính phủ trước Quốc hội khóa 5, kì họp thứ hai (tháng 12-1975), đồng chí Lê Thanh Nghị đã nêu rõ bước đi trước mắt của quá trình cơ giới hóa nông nghiệp ở ta trong thời gian tới là « Phải khẩn trương xúc tiến việc thực hiện qui hoạch cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ, trên qui mô lớn, với tốc độ cao ở một số tỉnh thuộc đồng bằng Bắc-bộ và một số huyện đồng bằng thuộc các tỉnh Liên khu 4 (cũ) ».

Tiếp đó, trong Báo cáo chính trị đọc trước Quốc hội khóa 6, kì họp thứ 1 (tháng 4-1976), một trong những chủ trương, biện pháp lớn nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc đã được đồng chí Lê Duẩn vạch rõ: « ... Phải đẩy mạnh cơ khí hóa nông nghiệp để tăng nhanh năng suất lao động, tăng nhanh năng suất cây trồng và chăn nuôi, xúc tiến phân bố lại lao động nông nghiệp một cách hợp lí trong cả nước. »

Hiện nay, chủ trương trên đang được tích cực triển khai tại các huyện trọng điểm: Nam-ninh (Hà-nam-ninh), Đông-hưng (Thái-bình), Quỳnh-lưu (Nghệ-tĩnh), Vĩnh-bảo (Hải-phòng), Gia-lộc (Hải-hưng) v.v... nhằm rút kinh

nghiệm về tốc độ, cách làm, bước đi... cơ giới hóa nông nghiệp *đồng bộ trên địa bàn một huyện*, từ đó rút ra những kết luận đúng đắn cho việc tiến tới xây dựng mỗi huyện thành một cơ cấu «nông - công nghiệp» cân đối, hoàn chỉnh, gắn liền sản xuất, chế biến với tiêu thụ; khép kín chu trình sản xuất trên cơ sở thâm canh, chuyển canh, không ngừng hiện đại hóa nền sản xuất.

Suy nghĩ và hành động cụ thể của một số ngành đã thể hiện chiều hướng tích cực thực hiện chủ trương trên. Ngành *cơ khí* đã khẩn trương hoàn thành việc thiết kế, chế tạo thủ và tiến hành khảo nghiệm một loạt máy canh tác mới trong nông nghiệp. Ngành *nông nghiệp* đang tích cực triển khai qui hoạch cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ ở các huyện trọng điểm theo hai hướng: củng cố các trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, đi sâu giải quyết cơ giới hóa khâu *cấy* và *gặt* là hai khâu còn khó trong dây chuyền kĩ thuật thâm canh. Việc củng cố các trạm máy nông nghiệp ở đây cũng được tiến hành theo hai hướng: tăng cường cơ sở vật chất - kĩ thuật, và kiện toàn một bước chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc quản lí các trạm này. Số lượng máy kéo của các trạm máy ở một số huyện trên đã tăng từ vài ba chục lên đến hàng trăm. Một số trạm máy ở Quỳnh - lưu (Nghệ-tĩnh), Đông-hung (Thái-bình)... đã bước đầu vươn lên làm nhiệm vụ là trung tâm trang bị kĩ thuật mới ở nông thôn, góp phần *chủ động tạo ra địa bàn cơ giới* cho máy kéo và máy nông nghiệp của trạm hoạt động. Riêng huyện Quỳnh - lưu, sau khi một số xã đã dời nhà đưa dân lên đồi, trạm máy đã phục vụ ngay việc san ủi đồng ruộng, biến những đất mới đòi ra đó thành những cánh đồng rộng rãi, bằng phẳng, phù hợp với yêu cầu canh tác bằng cơ giới.

Ngành *thủy lợi* cũng có những kế hoạch cụ thể cùng các ngành công nghiệp, giao thông... nâng cao chất lượng của công tác hoàn chỉnh thủy nông và gắn chặt công tác hoàn chỉnh thủy nông với giao thông nông thôn sao cho phù hợp với yêu cầu của phương pháp canh tác bằng cơ giới.

Ngành *điện* cũng đang khẩn trương thực hiện kế hoạch đưa điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, trước hết là phục vụ ba khâu: *thủy lợi*, *cơ khí* nhỏ, chế biến nông sản.

Một số tỉnh (Hải-hung, Hà-nam-ninh) đang mạnh dạn thí điểm mở rộng diện tích lúa gieo thẳng, mạ không đất... nhằm cải tiến một bước kĩ thuật canh tác nông học theo yêu cầu của cơ giới hóa nông nghiệp.

Một số huyện như Quỳnh-lưu (Nghệ-tĩnh), Nam-ninh (Hà-nam-ninh), An-thụy (Hải-phòng) đang tích cực triển khai qui hoạch điểm dân cư, qui hoạch giao thông nông thôn, qui hoạch kiến thiết đồng ruộng là ba loại qui hoạch khó nhất trong quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

Rõ ràng nhiều cấp, nhiều ngành đã bước đầu nhận thấy: cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ, trên qui mô lớn, với tốc độ cao tuy còn là một vấn đề khó nhưng không phải là không thể làm được. Chủ trương đã rõ, nhiều tiền đề đã có, vấn đề bây giờ là phải tích cực tạo ra những điều kiện vật chất cụ thể để có thể thực hiện tốt chủ trương trên. Đây mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp hiện đang là một nhu cầu do bản thân những mâu thuẫn bên trong của nền nông nghiệp nước ta đòi hỏi trong bước chuyển mình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chính những thành tựu về hợp tác hóa, về thủy lợi hóa, về cách mạng cơ cấu cây trồng... mà ta đã đạt được trong thời gian qua, vừa là *tiền đề*, vừa là *động lực* đòi hỏi phải đẩy mạnh quá trình cơ giới hóa nông nghiệp, nhằm hoàn thiện và không ngừng nâng cao những thành tựu trên. Vì thế, chủ trương cơ giới hóa nông nghiệp thời gian tới có những điểm khác *về chất* so với quá trình cơ giới hóa nông nghiệp ta đã tiến hành thời gian qua, đó chính là ở cách làm cơ giới hóa *đồng bộ trên qui mô lớn, với tốc độ cao*, nhằm tạo ra một sự *chuyển biến căn bản* trong lĩnh vực này.

Trong cơ giới hóa nông nghiệp có hai vấn đề phải đặc biệt lưu ý:

1) Phải xác định hướng trang bị kĩ thuật cụ thể cho từng vùng ruộng đất chính, từng vụ sản xuất chính, từng khâu canh tác chính v.v... để sao cho đầu tư ít mà thu được hiệu quả kinh tế cao (1).

2) Phải lập ra những tổ chức để quản lí, và sử dụng tốt những phương tiện, trang bị kĩ thuật này, bảo đảm phát huy đến mức cao nhất công suất của các loại máy móc, trang bị.

Vấn đề thứ hai, qua thực tế theo dõi, chúng tôi thấy ít được quan tâm một cách đúng mức. Thực ra vấn đề này lại rất quan trọng, vì dù số lượng máy có nhiều đến bao nhiêu, chất lượng máy có tốt đến bao nhiêu, nếu không có một *tổ chức phù hợp* để quản

(*) Xem thêm: Lê Văn Lai. Hướng trang bị kĩ thuật phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp ở ta, Tạp chí Hoạt động khoa học, số 8-1976.

li, sử dụng tốt hệ thống máy móc đó thì nhất định kết quả thu được sẽ rất hạn chế, thậm chí có khi kết quả ngược lại. Tổ chức đó, ở ta là *Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa*.

Trong công cơ giới hóa nông nghiệp, máy kéo là một bộ phận quan trọng — có thể nói là quan trọng nhất — trong cơ sở vật chất và kỹ thuật của nông nghiệp; là công cụ và là phương tiện sản xuất chủ yếu, đặc trưng cho nền sản xuất lớn. Cho nên, nó vừa phát huy tác dụng động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa đòi hỏi kèm theo nó các mặt thích ứng về tổ chức sử dụng, về qui mô sản xuất, về phương pháp tổ chức sản xuất, nghĩa là phát huy tác dụng củng cố và hoàn thiện phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Như vậy, máy kéo nói riêng và cơ giới hóa nông nghiệp nói chung không chỉ phát huy tác dụng về mặt tăng năng suất, tăng sản lượng mà còn có tác dụng quan trọng trong việc tích cực góp phần củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Phải nhìn máy kéo, mà tổ chức đặc trưng của nó là Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, theo cách nhìn đó thì mới có tư tưởng chỉ đạo đúng đắn, sát hợp trong hoạt động thực tiễn, mới có thể đánh giá đúng đắn ưu điểm và khuyết điểm của hệ thống tổ chức này, mới có thể khẳng định quyết tâm củng cố hệ thống tổ chức đó theo tinh thần chủ trương mới.

Đến nay, cùng với 80 đội cơ khí trong các nông trường quốc doanh, 28 đội khai hoang cơ giới, 10 000 điểm cơ khí nhỏ, 5 000 tổ rèn..., miền Bắc nước ta đã có khoảng 120 trạm máy nông nghiệp và sửa chữa cấp huyện — chiếm tỉ lệ trên 50% số huyện và liên huyện có trạm này.

Ở đây có hai vấn đề cần làm rõ: tầm quan trọng của hệ thống trạm máy nông nghiệp và sửa chữa trong quá trình thúc đẩy việc hình thành một cơ cấu công — nông nghiệp tương đối hoàn chỉnh ở từng huyện và tính đúng đắn của chủ trương thành lập các trạm nói trên.

Cùng với các loại máy công tác, máy kéo lớn vừa là động lực cho rất nhiều máy công tác, vừa đảm đương một khâu quan trọng nhất, nặng nhọc nhất trong dây chuyền của kỹ thuật canh tác là khâu làm đất. Với động lực mạnh, với khả năng thích ứng cao, máy kéo lớn tập trung ở tuyến huyện, thuộc sở hữu toàn dân, rõ ràng đáp ứng được yêu cầu thâm canh, chuyên canh, hiệp tác hóa sản xuất trong toàn huyện. Do yêu cầu chuyên

canh, mỗi hợp tác xã sẽ có một ngành sản xuất chính khác nhau, có thời vụ khác nhau, có lịch canh tác khác nhau, có yêu cầu kỹ thuật canh tác khác nhau. Chính Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, với nông cốt là các máy kéo lớn (có thể thêm máy liên hợp gặt đập) sẽ có khả năng phục vụ xen kẽ, giúp đỡ các hợp tác xã giải quyết một cách căn bản tình trạng căng thẳng về nhân lực khi thời vụ, tạo điều kiện thiết thực để phân bổ lại lao động nông nghiệp trên phạm vi một huyện và cả nước, hình thành nhiều ngành nghề sản xuất mới, thúc đẩy công nghiệp chế biến nông sản, tạo tiền đề khép kín chu trình sản xuất trong phạm vi một huyện, một tỉnh hay một vùng.

Mặt khác, ở nước ta, trong điều kiện công cụ sản xuất còn phổ biến là thô sơ, công nghiệp kém phát triển nên quá trình cơ khí hóa nông nghiệp không chỉ là cung cấp một loại công cụ mới mà còn phải cải tạo, trang bị lại, nâng dần từng bước sự tiến bộ của toàn bộ hệ thống công cụ sản xuất. Vì vậy, Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa phải làm trong một mức độ nhất định việc trang bị lại kỹ thuật cho nông nghiệp. Điều này là hoàn toàn đúng trong thực tế sản xuất. Hiện nay, các loại công cụ thường và công cụ cải tiến chiếm một khối lượng khá lớn trong sản xuất nông nghiệp, hoặc là chưa có nguồn sản xuất đáp ứng kịp, hoặc là do các loại công cụ này mang nặng tập quán canh tác địa phương, nên việc tổ chức sản xuất ở một nơi rồi cung cấp hàng loạt cho cả nước là không thích hợp. Ngoài ra, yêu cầu về phụ tùng thay thế của khoảng 10 000 điểm cơ-điện khí tỉnh tại trong hợp tác xã hiện cũng rất lớn. Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa phải đảm đương việc sửa chữa, bảo dưỡng, cung cấp các phụ tùng thay thế giản đơn của các máy công tác đó, có như vậy mới bảo đảm duy trì hoạt động của trang bị cơ-điện tỉnh tại đã có. Tên «Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa» nêu ra trong Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 19 chính là phản ánh tính chất này.

Với vị trí như vậy, trạm máy nông nghiệp và sửa chữa không chỉ là trung tâm kỹ thuật, là động lực, mà còn là một trong những đầu mối tập trung của ba cuộc cách mạng ở nông thôn — đặc biệt là ở đơn vị sản xuất cơ sở nông — công nghiệp cấp huyện.

Việc hình thành các trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, do những lý do nêu trên, không những là quan trọng mà còn mang tính tất yếu sâu sắc. Ngay đối với các nước có nền

công nghiệp phát triển, qui mô các hợp tác xã rất lớn, thì các trạm kiểu này vẫn là cần thiết, vì khả năng phục vụ đa dạng của nó trong nền sản xuất chuyên canh. Hiện nay, ở Liên-xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, với qui mô các hợp tác xã tới 5 000 - 6 000 ha (gấp 20 - 30 lần qui mô hợp tác xã ở ta), với tài sản cố định rất lớn, vốn lưu động dồi dào, qui tái sản xuất mở rộng khá lớn, nhưng các Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa thuộc sở hữu toàn dân vẫn được Nhà nước duy trì và phát triển, chính vì lợi ích lâu dài của nó trong nền kinh tế nông nghiệp thâm canh, chuyên canh cao độ, một nền kinh tế ngày càng mở rộng trình độ xã hội hóa các tư liệu sản xuất. Hiện nay, ở Cộng hòa dân chủ Đức chẳng hạn, các trạm kiểu này có khoảng 143 000 máy kéo, 11 957 máy gặt đập liên hợp, 10 193 máy lượm khoai tây và 4 896 máy lượm củ cải đường tự động, chuyên kí hợp đồng phục vụ các nông trang tập thể có tổng diện tích canh tác trên dưới 2 triệu hecta. Rõ ràng, việc tập trung một số lớn máy móc nông nghiệp hiện đại, đắt tiền, có hiệu suất canh tác cao, có khả năng thích ứng rộng rãi trong một cơ cấu nông - công nghiệp tuyến huyện hoàn chỉnh, vào một tổ chức sử dụng nó như trạm máy nông nghiệp và sửa chữa là một điều hợp lí và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nếu cứ giao máy kéo lớn cho các hợp tác xã, đặc biệt hợp tác xã qui mô nhỏ (trên dưới 250 hecta) như ở ta sẽ dẫn tới tình trạng phân tán trang bị, không sao sử dụng hết công suất của máy kéo, không làm cho máy kéo lớn phát huy được tác dụng nhiều mặt của nó, và đó là một phương án phi kinh tế, phi thực tế.

Chủ trương thành lập các Trạm máy kéo - tiền thân của Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa - đã được Đảng ta đề ra từ lâu và ngày càng hoàn thiện dần.

Từ năm 1960, trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 3 đã nêu rõ: «...Phải xây dựng một số trạm máy kéo và máy móc nông nghiệp ở những nơi có điều kiện».

Tiếp đó trong Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 5 (1961) đã cụ thể hóa thêm: «Hướng cơ giới hóa nông nghiệp ở ta nhằm giải quyết trước hết việc cày bừa, tát nước ở những nơi có điều kiện thuận lợi, rồi mở dần đến vùng khác và các công việc đồng áng khác. Phải kết hợp chặt chẽ công cụ cải tiến, công cụ nửa cơ giới và máy móc nông

ng nghiệp, lợi dụng tổng hợp các máy kéo vào một số việc như bơm nước, phát điện, vận chuyển, chế biến...»

Đến Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 8 (tháng 4 năm 1963) lại ghi: «...Phải cố gắng tăng thêm máy kéo, mở rộng thêm diện tích được cày bừa bằng máy. Ngay trước mắt phải tập trung số máy kéo hiện có vào các vùng thiếu sức kéo và có điều kiện dùng máy (các vùng trồng cây công nghiệp tập trung, đồng màu và các đồng lúa quan trọng được tưới tiêu chủ động); tăng cường quản lí nhằm phát huy công suất của máy kéo tốt hơn nữa, giảm bớt chi phí cày kéo trên mỗi hecta». Các chỉ thị sau đó của Ban Bí thư trung ương Đảng và của Thủ tướng Chính phủ đã cụ thể hóa thêm một bước những chủ trương cơ bản trên đây.

Năm 1971, trong Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 19, việc xây dựng các trạm máy nông nghiệp và sửa chữa đã được ghi thành một trong 7 biện pháp phát triển sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Nghị quyết đã định ra cụ thể hơn tính chất, nhiệm vụ của Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa: «Nhiệm vụ của trạm này là sử dụng và quản lí tốt thiết bị, máy móc của Nhà nước để làm đất, bơm nước, thu hoạch, chế biến nông sản, phục vụ chăn nuôi; sửa chữa những máy móc và công cụ sản xuất của Nhà nước và của hợp tác xã; sản xuất công cụ nông nghiệp cải tiến thích hợp với từng vùng đất đai khác nhau; hướng dẫn các hợp tác xã sử dụng và bảo quản máy móc, công cụ và vật tư kĩ thuật; giúp các hợp tác xã đào tạo cán bộ và công nhân kĩ thuật biết sử dụng và bảo quản các máy móc, công cụ dùng trong sản xuất nông nghiệp của hợp tác xã».

Thực tế sản xuất 15 năm qua cho thấy, phần lớn các Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa không làm được đúng theo tinh thần hướng dẫn trong các chỉ thị, nghị quyết của trung ương, mặc dù một số trạm cũng thu được những kết quả tốt, đáng rút kinh nghiệm.

Ưu điểm chính của các Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa là đã đạt được một số kết quả nhất định về trang bị và rèn luyện đội ngũ; đã xây dựng bước đầu một số cơ sở vật chất và kĩ thuật cho nông nghiệp, đã thu được một số kinh nghiệm trong tổ chức, chỉ đạo, quản lí trạm; đã xác định khá chắc chắn các điều kiện, các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai, duy trì các hoạt động cơ khí phục vụ nông nghiệp. Tất cả các thu hoạch này có một giá trị lớn trong việc tiếp tục mở rộng diện cơ giới hóa trong giai đoạn

phát triển mới nhằm phục vụ cho việc xây dựng kinh tế chung trong cả nước.

Qua nhiều đợt chỉ đạo thí điểm, xây dựng trạm mẫu, một số trạm đã cố gắng mở rộng nhiệm vụ, vươn lên thành trung tâm kĩ thuật ở huyện theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 19. Có trạm đã hình thành đội sửa chữa lưu động, đã gần được trách nhiệm của đội máy kéo, xưởng sửa chữa cơ khí trong việc hướng dẫn, giúp đỡ hợp tác xã về các mặt bảo quản, sử dụng, sửa chữa các trang bị, công cụ, nhất là công cụ sửa chữa cơ khí và các máy cơ-điện tĩnh tại. Thông qua hoạt động này, ở một số nơi đã bước đầu hình thành mối quan hệ mới, đúng đắn giữa các trạm máy và hợp tác xã, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các hợp tác xã, giảm nhiều chi phí sản xuất.

Hợp đồng kinh tế giữa trạm máy và hợp tác xã ở nhiều nơi đã được bảo đảm, hiệu lực pháp lí của hợp đồng đã tăng dần. Nhiều trạm đã phấn đấu tốt, nâng cao số đầu máy đưa vào phục vụ sản xuất, lo lắng trong việc bảo đảm thời vụ sản xuất nông nghiệp (như trạm máy Vĩnh-bảo, Gia-lộc...). Trong ngành đã xuất hiện nhiều tấm gương tốt về tăng năng suất sử dụng máy, bảo quản tốt máy kéo và các máy nông nghiệp khác như Phục-lễ (Hải-phòng), Trác-bút (Hà-nam-ninh)...

Một số hợp tác xã, từ thực tiễn sản xuất đã xác định đúng đắn vị trí của công cụ cơ khí, đã chú ý đến việc triển khai qui hoạch cơ khí song song với qui hoạch phân bổ lại lao động, đã chủ động trong việc phối hợp với trạm máy kéo tạo ra địa bàn cơ giới, tức là thúc đẩy việc hình thành các điều kiện vật chất - kĩ thuật cụ thể cho máy kéo hoạt động, nhờ đó việc sử dụng công cụ cơ khí đã đưa lại những kết quả đáng kể.

Ở khu vực kinh tế quốc doanh, một số đội máy kéo trong các nông trường đã chú ý đến việc mở rộng diện cơ giới hóa đồng bộ các khâu canh tác đạt kết quả tốt, do đó nâng cao rất nhiều hiệu suất sử dụng máy kéo như Nông trường Thành-tô (Hải-phòng), Nông trường Ba-vì (Hà-sơn-bình)... Các kết quả bước đầu này chứng tỏ khả năng của máy kéo trong việc mở rộng các khâu cơ giới hóa để tiến đến cơ giới hóa đồng bộ.

Tuy vậy, nhìn chung tình hình hoạt động của trạm máy nông nghiệp và sửa chữa hiện còn khá nhiều thiếu sót. Thiếu sót đầu tiên là nhận thức về vị trí, tính chất đặc trưng và nhiệm vụ của Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa chưa thật quán triệt trong chỉ đạo cũng như trong thực tiễn sản xuất. Phổ biến còn

đang nhìn máy kéo đơn thuần là một phương tiện canh tác, còn tách rời nó với điều kiện xã hội và kinh tế cụ thể. Biểu hiện của mặt này là việc đưa máy vào từng vùng chưa xét kĩ đến các điều kiện, chưa lập được một qui hoạch hoàn chỉnh và chủ động; chưa tính toán đến nhiều mặt, chưa chủ động tạo điều kiện theo yêu cầu của cơ giới hóa và tạo ra những khả năng mới để tiếp thu cơ giới hóa tốt hơn nữa. Hiện nay việc máy kéo làm gì, làm cánh đồng nào là tùy theo đề xuất của từng hợp tác xã, tùy theo điều kiện cụ thể của từng năm, thậm chí từng vụ, tùy thuộc vào điều kiện biến đổi đột xuất của từng nơi; việc chọn cánh đồng này hay cánh đồng kia là do đội trưởng - có khi là máy trưởng, trực tiếp thỏa thuận với hợp tác xã và tùy tiện xây dựng thành hợp đồng. Chính cách làm này làm cho địa bàn máy kéo hoạt động là các cánh đồng nhỏ, phân tán và luôn thay đổi. Với cách làm đó, thực chất mối quan hệ giữa máy kéo và hợp tác xã là mối quan hệ tùy tiện theo kiểu "làm thuê", trong đó, cái mà trạm máy, đội máy chú trọng đầu tiên là số hecta máy canh tác được. Cách làm này rõ ràng chưa phù hợp với vị trí, tính chất của trạm đã nêu trong Nghị quyết 19.

Cũng từ nhận thức và cách làm đó cộng với nhiều khó khăn khách quan khác làm cho trạm máy hiện nay chưa làm được các nhiệm vụ đặt ra cho nó như việc trang bị lại kĩ thuật và phát huy tác dụng toàn diện đối với hợp tác xã. Có thể nói trong các mặt tồn tại của tình hình cơ giới hóa nông nghiệp vừa qua thì đây là một trong những mặt cơ bản nhất.

Trong báo cáo của Đoàn thanh tra cơ giới hóa nông nghiệp thuộc Ủy ban Thanh tra của Chính phủ ngày 6-1-1973 đã nói một cách đúng đắn khi xác nhận nguyên nhân đầu tiên về các khuyết điểm của các trạm này. Báo cáo viết: "các ngành, các cấp chưa có sự nhất trí cao về vị trí và tác dụng, về yêu cầu, khả năng và điều kiện để tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta. Nếu chỉ thấy máy kéo là một loại động lực có năng suất cao hơn, thay trâu làm nhiệm vụ canh tác những khâu nhất định trong sản xuất nông nghiệp không thôi thì hoàn toàn chưa đủ. Phải xác định đúng đắn vị trí của trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, và ngay từ bây giờ đã phải chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật có liên quan (qui hoạch đồng ruộng, thủy lợi, giao thông, cơ khí sửa chữa, công nhân, cán bộ kĩ thuật...) theo

hướng cơ giới hóa nông nghiệp, lấy cơ giới nông nghiệp làm trục trung tâm. Có như thế mới tạo được thể chủ động, khỏi phải làm đi làm lại nhiều lần, đỡ tốn kém và lãng phí trong quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

Hiện nay, Chỉ thị về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp của Ban bí thư, lấy đơn vị sản xuất cơ sở là cấp huyện, chính là bước mở đường quan trọng để tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ. Việc tiến hành qui hoạch sản xuất toàn diện trong phạm vi một huyện phục vụ cho yêu cầu tổ chức lại sản xuất sẽ đồng thời giải quyết được những vấn đề rất cơ bản phục vụ cho yêu cầu cơ giới hóa, như qui hoạch vùng sản xuất, phương hướng sản xuất, qui hoạch thủy lợi... Làm tốt việc này sẽ hình thành các cánh đồng cơ giới hóa - thủy lợi hóa toàn diện, nhờ đó Trại máy nông nghiệp và sửa chữa sẽ có được một kế hoạch phấn đấu mở rộng địa bàn cơ giới một cách hoàn chỉnh trong vùng mình phục vụ, tránh tình trạng bị động, chắp vá như hiện nay.

Mặt khác, do tình trạng thiếu qui hoạch như trên nên việc trang bị cho Trại máy nông nghiệp và sửa chữa hiện nay vừa phân tán vừa thiếu đồng bộ nghiêm trọng. Do chưa xác định được phương hướng sản xuất của từng vùng nên số lượng, đặc biệt là chủng loại máy có tình trạng rải đều. Việc này gây khó khăn lớn cho khâu phục vụ, sửa chữa. Về cơ cấu máy hiện tại, máy công tác còn đang bị xem nhẹ, thiếu nhiều về số lượng, thiếu và không phù hợp cả về chủng loại.

Cơ sở vật chất phục vụ cho việc chăm sóc kỹ thuật, sửa chữa các cấp cũng không đồng bộ, nên tuy vốn đầu tư không ít song hiệu quả kinh tế thấp. Tình trạng ứ đọng vốn do việc trang bị không đúng chỗ, trang bị không đưa được vào sử dụng vẫn chưa khắc phục triệt để.

Đề kiến toàn Trại máy nông nghiệp và sửa chữa theo đúng tinh thần Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 19, theo tôi cần xúc tiến một số biện pháp sau:

1) Cần làm cho các cấp, các ngành thấy rõ: trại máy nông nghiệp và sửa chữa không phải là đội cày bừa thuê, với chức năng bị chổng chéo và cách làm tùy tiện như hiện nay, mà là một trong những tổ chức của Nhà nước, có trách nhiệm giúp và cùng các hợp tác xã thực hiện tốt qui hoạch kiến

thiết đồng ruộng, hoàn chỉnh thủy nông, lập trung điểm dân cư; trang bị lại công cụ thường, công cụ cải tiến, công cụ nửa cơ khí và cơ khí; hướng dẫn cách làm nông nghiệp theo kiểu công nghiệp ở nông thôn; nghĩa là trại phải có những đóng góp tích cực, chủ động đề cùng với các hợp tác xã tạo ra địa bàn cơ giới cho chính mình hoạt động.

Muốn thế, phải qui định rõ mối liên hệ giữa trại máy với các hợp tác xã thuộc phạm vi trại phụ trách trong nhiều khâu: vạch rõ thủ tục, phương pháp, nội dung, chế độ xét duyệt qui hoạch cơ giới hóa ở một huyện hoặc liên huyện; có biện pháp cụ thể cùng các hợp tác xã thực hiện nghiêm chỉnh tiến độ kế hoạch cải tạo địa bàn cơ giới đã vạch ra; qui định rõ chính sách, chế độ cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi giữa trại máy và các hợp tác xã; hoàn chỉnh các qui chế pháp lý trong việc xây dựng các hợp đồng kinh tế giữa trại máy và đối tượng nó phục vụ; làm chặt hơn nữa việc quản lý vốn đầu tư trên cơ sở hoàn thiện chế độ hạch toán kinh tế của Trại máy nông nghiệp và sửa chữa với một hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật chính xác.

2) Về mặt tổ chức, các cơ quan quản lý và các cơ sở sản xuất có liên quan đến quá trình cơ giới hóa nông nghiệp trong phạm vi một huyện, liên huyện hay một vùng, hiện nay chưa thống nhất. Ở nhiều huyện hiện đang song song tồn tại cả 5 loại tổ chức: trại máy nông nghiệp và sửa chữa, phòng cơ khí nhỏ, trạm vật tư cơ khí, xưởng sửa chữa cơ khí thủy lợi, xưởng cơ khí huyện v.v... Các tổ chức trên vừa chổng chéo về chức năng, vừa phân tán về trang bị, vừa làm giảm mức độ trách nhiệm của từng đơn vị trong quá trình phục vụ nông nghiệp.

Chúng tôi đề nghị cần tập trung thống nhất các bộ phận trên vào trong một tổ chức là Trại máy nông nghiệp và sửa chữa, với chức năng, nhiệm vụ của trại như Nghị quyết 19 đã ghi là hợp lý hơn cả. Chỉ làm như thế mới bớt được nhiều đầu mối trung gian, mới tránh được nhiều thủ tục giấy tờ phiền phức, đặc biệt mới tập trung được lực lượng cán bộ, vốn đầu tư và trang bị, thiết bị hiện đang quá dàn mỏng như hiện nay.

3) Về cán bộ, Trại máy nông nghiệp và sửa chữa, nếu làm đúng vị trí và nhiệm vụ của

nó thì người quản lý nó phải có năng lực: có nhiệt tình cách mạng, có khả năng nhận thức và vận dụng tốt đường lối của Đảng, có trình độ tổ chức tốt, có tầm nhìn và phương pháp làm ăn công nghiệp, có kiến thức nhất định về kinh tế và cơ khí nông nghiệp... Vì vậy, nếu loại cán bộ này không được đào tạo, rèn luyện đầy đủ, phát hiện và tuyển chọn thông qua thực tiễn sản xuất chặt chẽ thì rất khó đảm đương được nhiệm vụ. Hiện nay, việc làm này còn theo cảm tính và tùy tiện. Trước mắt, để bảo đảm cán bộ cho nhu cầu này cần có kế hoạch bồi dưỡng dưới hình thức tập huấn ngắn hạn theo một nội dung qui định thích hợp cho từng loại cán bộ đang đảm đương nhiệm vụ trên. Trong điều kiện thực tế hiện nay, cần có những qui định về chế độ trách nhiệm rõ ràng để có thể phát huy được chỗ mạnh của từng loại cán bộ, hạn chế tình trạng có thể có các quyết định không đúng với chức trách, với lĩnh vực kiến thức mà người cán bộ hiểu biết, gây ra những hậu quả xấu. Cần có kế hoạch sử dụng đúng trên cơ sở phân loại, định mức cán bộ, qui định rõ chức trách để phát huy được hiệu lực của cán bộ tiến đến xây dựng chế độ chức trách, quyền hạn cán bộ công nhân các cấp trong phạm vi trạm rõ ràng, hình thành dần đội ngũ kĩ sư trưởng trong hệ thống các trạm này.

Để làm tốt các nhiệm vụ trên, cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng - đặc biệt là của huyện ủy đối với trạm máy nông nghiệp và sửa chữa. Như trên đã phân tích, cơ khí hóa nông nghiệp ở ta thực chất là một cuộc cách mạng về công cụ sản xuất, trong đó bao gồm sự cải biến từng bước đồng thời và phù hợp trong suốt quá trình phát triển của cả 3 mặt: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kĩ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Vì vậy nó là quá trình phức tạp, tổng hợp nhiều mặt; không chỉ đơn thuần về kĩ thuật mà có liên quan nhiều đến các vấn đề kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải có một sự tác động đồng bộ. Với yêu cầu đó, nếu thiếu sự chỉ đạo tập trung của cấp ủy Đảng, không huy động được lực lượng tổng hợp trong toàn huyện dưới sự chỉ đạo thống nhất và có hiệu lực của huyện ủy thì sẽ không thể thu được thắng lợi.

Tập trung lực lượng để tiến hành thắng lợi việc cơ giới hóa nông nghiệp ở một số

huyện trọng điểm đã chọn như hiện nay đang làm là hoạt động có tác dụng thiết thực trong việc kiện toàn Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa. Huyện trọng điểm sẽ trở thành mẫu mực về phương pháp, bước đi, là những bài học sống về kinh nghiệm tổ chức và quản lý kĩ thuật; về cách giải quyết những vấn đề mới phát sinh do quá trình tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp đồng bộ đặt ra. Đây là một vấn đề rất mới trong tổ chức sản xuất nông nghiệp. Thực tế hiện nay, theo tôi, mức độ tập trung chưa tương xứng với vị trí này, nên tốc độ triển khai ở các huyện trọng điểm làm còn chậm; tổ chức chỉ đạo chưa đủ quyền lực cần thiết nên chưa giải quyết kịp thời các khó khăn trong quá trình triển khai thí điểm các trạm máy nông nghiệp và sửa chữa, do đó chưa củng cố và kiện toàn được là bao.

Tóm lại, thực tiễn xây dựng các trạm máy nông nghiệp và sửa chữa thời gian qua còn rất nhiều thiếu sót, đa số các trạm đều bị bù lỗ, phần lớn các trạm mới chỉ làm được nhiệm vụ cày bừa thuê và phụ thuộc rất nhiều vào ý muốn chủ quan của các hợp tác xã. Nhưng với toàn bộ những thiếu sót ấy, chúng ta vẫn không thể nói rằng chủ trương xây dựng các Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa là sai. Những thiếu sót của các trạm này trong thời gian qua, theo ý chúng tôi, là nằm trong phạm vi *tổ chức chỉ đạo thực hiện kém chứ không phải là chủ trương sai*. Những thiếu sót đó, vì thế, chỉ là hiện tượng tạm thời chứ không phải là bản chất. Thực tiễn hoạt động của một số Trạm máy nông nghiệp và sửa chữa có thành tích tốt đã giúp ta rút được những kinh nghiệm bước đầu trong việc tổ chức, chỉ đạo, quản lý; giúp ta xác định khá chắc chắn các điều kiện, các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai, duy trì hoạt động của các trạm này; đặc biệt giúp ta khẳng định tính đúng đắn của chủ trương nói trên.

Tất cả những thu hoạch này, có một giá trị rất lớn để tiếp tục mở rộng diện cơ giới hóa nông nghiệp trong giai đoạn phát triển mới, theo tinh thần mới, nhằm đưa diện cơ giới hóa nông nghiệp được mở rộng có trọng tâm, trọng điểm, trên qui mô lớn hơn, với tốc độ nhanh hơn, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp trong cả nước